

Số: 08 /2025/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ,
thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước
trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026-2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15,
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật
số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của
Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên
tiến, tiết kiệm nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung
bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà
nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Xét Tờ trình số 274/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân thành phố về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ
trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra số
131/BC-ĐT ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân

thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026-2030, bao gồm: Đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp công trình thủy lợi nhỏ; kiên cố kênh mương, đường ống dẫn nước; đầu tư công trình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, nhằm đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); các tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân có liên quan trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Mục tiêu của chính sách

1. Mục tiêu chung

Nâng cao hiệu quả phục vụ của hệ thống công trình thủy lợi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Trong đó, ưu tiên đầu tư những khu vực có diện tích sản xuất nông nghiệp lớn, các xã nông thôn mới, các cánh đồng dồn điền đổi thửa, cánh đồng mẫu và các khu vực sản phẩm nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong tổng sản phẩm của địa phương, từng bước chuyển đổi sang cây trồng cạn có giá trị kinh tế cao, áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông nghiệp nông thôn và xây dựng nông thôn mới, thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu đang diễn ra hiện nay.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về thủy lợi nhỏ: Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, sửa chữa ít nhất 25 công trình, bình quân mỗi năm 05 công trình.

b) Về kiên cố kênh mương: Phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ kênh mương được kiên cố đạt trên 80%; thực hiện đầu tư kiên cố ít nhất 400 km, bình quân mỗi năm 80 km.

c) Về tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: Đầu tư xây dựng trên 25 công trình, bình quân mỗi năm 05 công trình.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Thủy lợi nhỏ là các công trình thủy lợi có nhiệm vụ tích trữ nước, cấp nước, tưới, tiêu, thoát nước có quy mô nhỏ hơn 20 ha đối với vùng miền núi; 50 ha đối với vùng trung du và 100 ha đối với vùng đồng bằng. Các công trình thủy lợi nhỏ

đặc thù trên địa bàn thành phố được quy định trong Nghị quyết này như: Đập dâng, trạm bơm điện, ao thu gom nước nhĩ, cống và thủy lợi cho vùng đất màu.

2. Phân loại công trình thủy lợi quy định tại Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của luật thủy lợi.

3. Thủy lợi nội đồng là các công trình kênh, mương, rạch, đường ống dẫn nước tưới, tiêu trong phạm vi từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu đất canh tác.

4. Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng là các công trình áp dụng quy trình kỹ thuật và thiết bị tiên tiến để tưới theo phương pháp nhỏ giọt, phun mưa, tưới ngầm.

Điều 5. Quy định về khu vực áp dụng chính sách

1. Khu vực I: Gồm 64 xã, phường: Hải Châu, Hòa Cường, Thanh Khê, An Khê, An Hải, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Hòa Khánh, Hải Vân, Liên Chiểu, Cẩm Lệ, Hòa Xuân, Tam Kỳ, Quảng Phú, Hương Trà, Bàn Thạch, Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây, Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc, Hòa Vang, Hòa Tiến, Bà Nà, Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Đức Phú, Tam Xuân, Tây Hồ, Chiên Đàn, Phú Ninh, Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điền, Thăng Phú, Đồng Dương, Quế Sơn Trung, Quế Sơn, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước, Duy Nghĩa, Nam Phước, Duy Xuyên, Thu Bồn, Điện Bàn Tây, Gò Nổi, Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận, Tiên Phước, Lãnh Ngọc, Thạnh Bình, Sơn Cẩm Hà, Hiệp Đức, Việt An, Tam Hải, Tân Hiệp.

2. Khu vực II: Gồm các xã còn lại.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển thủy lợi nhỏ

1. Khu vực I: Ngân sách thành phố phân bổ hỗ trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư xây dựng, nhưng không quá 03 tỷ đồng/công trình. Phần kinh phí còn lại do ngân sách cấp xã đảm bảo.

2. Khu vực II: Ngân sách thành phố phân bổ hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư xây dựng, nhưng không quá 03 tỷ đồng/công trình. Phần kinh phí còn lại do ngân sách cấp xã đảm bảo.

Điều 7. Chính sách hỗ trợ đầu tư kiên cố kênh mương, đường ống dẫn nước

1. Khu vực I: Ngân sách thành phố hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư công trình. Phần kinh phí còn lại do ngân sách cấp xã đảm bảo.

2. Khu vực II: Ngân sách thành phố hỗ trợ 90% tổng mức đầu tư công trình. Phần kinh phí còn lại do ngân sách cấp xã đảm bảo.

Điều 8. Chính sách hỗ trợ đầu tư công trình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình theo tỷ lệ sau:

a) Khu vực I: Ngân sách thành phố hỗ trợ tối đa 50% tổng mức đầu tư công trình nhưng không quá 40 triệu đồng/01ha. Phần kinh phí còn lại do ngân sách địa phương, tổ chức, cá nhân đầu tư thực hiện.

b) Khu vực II: Ngân sách thành phố hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư công trình nhưng không quá 80 triệu đồng/01ha. Phần kinh phí còn lại do ngân sách địa phương, tổ chức, cá nhân đầu tư thực hiện.

2. Hỗ trợ san phẳng đồng ruộng: Ngân sách thành phố hỗ trợ tối đa 50% đối với các Khu vực nhưng không quá 10 triệu đồng/01ha.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng ở cấp xã.

b) Đối với cá nhân: Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên đối với Khu vực I và 0,1 ha trở lên đối với Khu vực II, việc hỗ trợ thông qua uỷ ban nhân cấp xã.

c) Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở: Quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên đối với Khu vực I và 01 ha trở lên đối với Khu vực II, việc hỗ trợ thông qua uỷ ban nhân cấp xã.

d) Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phục vụ các loại cây trồng là cây chủ lực của quốc gia, địa phương, có lợi thế, phù hợp nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu: Theo danh mục quy định sản phẩm, cây trồng chủ lực của địa phương, thành phố và Quốc gia được phê duyệt.

Điều 9. Kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng

Phần kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng để thực hiện kiên cố hóa kênh mương, đường ống dẫn nước; công trình thủy lợi nhỏ; công trình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước do địa phương và nhân dân đóng góp thực hiện.

Điều 10. Cơ chế quản lý, triển khai thực hiện

1. Các ngành ở thành phố quản lý quy hoạch ngành, kế hoạch đầu tư; hướng dẫn quy trình thẩm định hồ sơ, thủ tục triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Chính quyền cấp xã quản lý, tổ chức và triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định pháp luật hiện hành; lựa chọn danh mục, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, quản lý và tổ chức thực hiện các công trình đúng mục tiêu, phạm vi, quy mô được quy định tại Nghị quyết này, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 11. Nguồn kinh phí thực hiện và nhu cầu nguồn vốn

1. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ địa phương thực hiện chính sách thông qua chương trình, dự án trực tiếp hoặc lồng ghép trong các chương trình, dự án có liên quan.

b) Nguồn ngân sách địa phương (gồm thành phố, xã, phường) và các nguồn vốn hợp pháp khác (doanh nghiệp, hợp tác xã...). Căn cứ vào khả năng cân đối

ngân sách trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và kế hoạch đầu tư công hàng năm để bố trí kinh phí thực hiện cho phù hợp.

2. Nhu cầu nguồn vốn giai đoạn 2026-2030

a) Đối với thủy lợi nhỏ

Tổng nguồn vốn đầu tư khoảng 75 tỷ đồng, trong đó ngân sách thành phố hỗ trợ khoảng 60 tỷ đồng, phần còn lại do địa phương bố trí ngân sách, lồng ghép các nguồn vốn từ các dự án, chương trình khác và huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

b) Đối với kiên cố kênh mương, đường ống dẫn nước

Tổng nguồn vốn đầu tư khoảng 400 tỷ đồng, trong đó ngân sách thành phố hỗ trợ khoảng 320 tỷ đồng, phần còn lại do địa phương bố trí ngân sách, lồng ghép các nguồn vốn từ các dự án, chương trình khác và huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

c) Đối với công trình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

Tổng nguồn vốn đầu tư khoảng 25 tỷ đồng, trong đó ngân sách thành phố hỗ trợ khoảng 17,5 tỷ đồng; phần còn lại do địa phương bố trí ngân sách, lồng ghép các nguồn vốn từ các dự án, chương trình khác và huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và hết hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2026. Trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định phê duyệt danh sách các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030 có hiệu lực trước ngày 31 tháng 3 năm 2026 thì Nghị quyết này hết hiệu lực tại thời điểm văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật. Đồng thời, cần lưu ý tiếp thu các nội dung tại Báo cáo thẩm tra số 131/BC-ĐT ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Khẩn trương phê duyệt danh sách các xã miền núi trên địa bàn thành phố theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030. Đồng thời, chỉ đạo cơ quan chuyên môn thường xuyên

theo dõi, cập nhật danh sách các xã miền núi để kịp thời trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết sửa đổi quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026-2030 đảm bảo quy định pháp luật và tình hình thực tiễn, không làm gián đoạn cơ chế chính sách.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 05 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính-Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- VP UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường, đặc khu;
- Báo và PT, TH Đà Nẵng, Chuyên đề CATPĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ (2).



Nguyễn Đức Dũng